

Bản án số: 102/2024/DS-ST

Ngày: 16/7/2024

“V/v Tranh chấp dân sự về hợp  
đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Trung Dũng**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phan Quốc Tiến**

Bà **Võ Thị Diệp**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Vũ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/TLST-DS ngày 22/01/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2024/QĐXXST-DS ngày 07/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 312/2024/TB-TA ngày 27/6/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1971 – Chủ **đại lý thức ăn thủy sản Ú**; Địa chỉ: **ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **A** là anh **Nguyễn Vĩnh T**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **Số I đường N, khóm C, phường D, Tp C, tỉnh Đồng Tháp** (có mặt).

*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Bà **Nguyễn Thị Bé T1**, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: **ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn Ông **Nguyễn Văn A** trình bày: Ông **Nguyễn Văn M** và bà **Nguyễn Thị Bé T1** là vợ chồng với nhau. Do có mối quan hệ mua bán lâu dài với ông **A**, ông **A** không nhớ rõ ngày tháng năm giao kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy hải sản. Giữa ông **A** và ông **M**, bà **T1** có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản, theo đó ông **A** cung cấp thức ăn thủy hải sản cho ông **M**, bà **T1** qua nhiều đợt. Ông **M**, bà **T1** có nghĩa vụ trả tiền cho ông **A**. Do quen biết nên cho ông **M**, bà **T1** nợ. Tính đến ngày 28/3/2016 giữa ông **A** và ông **M**, bà **T1** đã tổng kết lại số nợ. Lập biên nhận vào

cùng ngày có chữ ký tên của ông M, xác nhận còn nợ ông A số tiền 666.767.000 đồng, thời hạn trả là ngày 11/10/2016. Khi đến hạn, ông A đã nhiều lần nhắc nhở ông M, bà T1 nhưng vẫn không trả số tiền còn nợ cho ông A.

Ông Nguyễn Văn A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 trả cho ông số tiền 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 28/3/2016 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Vĩnh T trình bày: Ông A từ trước đến nay làm kinh doanh mua bán mặt hàng thức ăn thủy sản và do chưa có điều kiện đăng ký kinh doanh nên tự lập bản hiệu là Chủ đại lý thức ăn thủy sản Ú nên việc khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã nợ cho nguyên đơn với tư cách là cá nhân. Nay, anh thống nhất theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 trả cho ông Nguyễn Văn A số tiền là 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

*\* Theo nội dung biên bản hòa giải ngày 15/5/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Bé T1 trình bày:* Bà thừa nhận trước đây gia đình bà có hợp đồng nuôi cá và mua thức ăn thủy sản của ông A vào khoảng năm 2015 - 2016. Thời gian đầu, ông A có cung cấp thức ăn thủy sản cho gia đình bà đầy đủ, nhưng thời gian sau thì ông A không cung cấp nữa, còn ông A giao số lượng bao nhiêu và bao nhiêu tiền thì bà không nhớ rõ. Trước đây, lúc ông A giao thức ăn cho gia đình bà đều có sổ và có ký nhận giao hàng đầy đủ nhưng hiện nay sổ sách do ông A giữ nên bà không biết còn nợ ông A bao nhiêu tiền. Nay, bà xác định bà và ông M có chốt lại số tiền nợ thức ăn với ông A nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà không nhớ rõ, còn đối với Tờ cam kết đề ngày 28/3/2016 có chữ ký của ông Nguyễn Văn M thì bà không xác định được đó có phải là chữ ký của ông M hay không và cũng như tổng số tiền nợ thức ăn là 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Bà xác định từ trước đến nay bà và ông M không ký tên vào tờ giấy này nào có nội dung là nợ thức ăn của ông M là 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Đối với chữ ký của M tại Tờ cam kết đề ngày 28/3/2016 thì bà không có ý kiến gì thêm và cũng không yêu cầu giám định chữ ký của ông M.

Nay, bà xác định bà còn nợ tiền thức ăn của ông A và bà sẽ đồng ý trả số tiền nợ cho ông A nếu ông A cung cấp đầy đủ sổ sách và chứng từ chứng minh về số tiền mà ông A yêu cầu vì hiện nay bà không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông M và bà Bé T1 cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

\* Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Tờ cam kết về việc mua thức ăn đề ngày 28/3/2016 thể hiện số tiền còn nợ ông Nguyễn Văn A số tiền 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 trả cho ông Nguyễn Văn A số tiền là 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hơn nữa, bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 trả cho ông Nguyễn Văn A số tiền là 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, Giữa ông Nguyễn Văn A với ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T1 có thỏa thuận về việc mua bán thức ăn thủy sản tính đến ngày 28/3/2016 giữa ông A và ông M, bà T1 đã tổng kết lại số nợ và lập biên nhận vào cùng ngày có chữ ký tên của ông M, xác nhận còn nợ ông A số tiền 666.767.000 đồng, thời hạn trả là ngày 11/10/2016. Khi đó, bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Bé T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền này cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự, nhưng đến nay bị đơn vẫn không thanh toán số tiền nợ và cũng không thi hành chỉ giải quyết vụ án khi Tòa án triệu tập. Ngoài ra, Tờ cam kết về việc mua thức ăn đề ngày 28/3/2016 thể hiện số tiền còn nợ ông Nguyễn Văn A số tiền 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) do ông Nguyễn Văn A nộp cho Tòa án thể hiện đúng như lời trình bày cũng như nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên là hoàn toàn có cơ sở.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo

đơn khởi kiện cho ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bé T1. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bé T1 vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị Bé T1, như vậy phía bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Cũng như, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Mặc khác, trong biên bản xác nhận công nợ, bảng chi tiết công nợ có thể hiện rõ chữ ký hiện hữu của ông Nguyễn Văn A điều đó cho thấy ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bé T1 phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa hai bên đương sự là có thật nên việc nguyên đơn ông Nguyễn Văn A yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Bé T1 có trách nhiệm liên đới để trả số tiền còn nợ là 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất, do nguyên đơn ông Nguyễn Văn A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **[3] Về án phí:**

Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự;*

*Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Áp dụng Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;*

#### **\* Tuyên xử:**

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn A.
- Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn A số tiền là 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

+ Ông Nguyễn Văn A không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.335.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001177 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt Bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**Huỳnh Trung Dũng  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Cao Lãnh, ngày 27 tháng 02 năm 2024*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán tài sản*”,  
giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1971 – Chủ đại lý thức ăn thủy sản Ú; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A là anh Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số I đường N, khóm C, phường D, Tp C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung D;

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quốc T2; bà Võ Thị Đ.

## NỘI DUNG

Qua thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 ý kiến như sau:

*Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự;*

*Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;*

**\* Tuyên xử:**

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ1.

- Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ1 số tiền là 666.767.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

+ Ông Nguyễn Văn Đ1 không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.335.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000789 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản lập xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và thống nhất ký tên dưới đây.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

**P**